

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4.0		6.0	6.0		
1	2223360002	Võ Duy	Anh	06/10/2000	02BK15B1	8.0	9.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
2	2223240006	Nguyễn Trần Hiếu	Anh	28/03/1993	02BK15B1	7.0	8.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
3	2223240014	Bùi Chí	Bảo	22/01/2000	02BK15B1	10.0	8.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
4	3223240004	Nguyễn Thị Anh	Đào	18/01/1995	02BK15B1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
5	2223240007	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	15/12/1984	02BK15B1	9.5	8.0	8.5		9.0		8.8	Đạt
6	2223240025	Cao Minh	Điền	26/07/2000	02BK15B1	9.5	8.0	8.5		7.0		7.6	Đạt
7	2223360016	Trần Ngọc Thanh	Hà	23/07/2000	02BK15B1	10.0	8.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
8	3223240003	Nguyễn Thị	Hiên	25/10/1990	02BK15B1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
9	3223240002	Phạm Thị Kim	Hồ	20/10/1994	02BK15B1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
10	2223240018	Hoàng Thị	Hoài	08/03/1990	02BK15B1	9.5	8.0	8.5		8.0		8.2	Đạt
11	2223240017	Lê Thị	Hồng	17/10/1990	02BK15B1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
12	2223240011	Nguyễn Thị	Huệ	14/02/1985	02BK15B1	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
13	2223360021	Hoàng Quốc	Huy	14/03/1994	02BK15B1	9.0	10.0	9.7		10.0		9.9	Đạt
14	2223240015	Nguyễn Phan Hoài	Linh	24/12/1999	02BK15B1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
15	3223240001	Lê Thị Khánh	Linh	06/03/1998	02BK15B1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
16	2223240023	Nguyễn Thị	Nhường	06/11/1980	02BK15B1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
17	2223240022	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	26/04/1985	02BK15B1	7.0	8.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
18	2223360001	Nguyễn Huỳnh Hồng	Phuong	22/09/2006	02BK15B1	5.0	6.0	5.7		7.0		6.5	Đạt
19	2223240002	Nguyễn Thanh	Sang	11/09/1996	02BK15B1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
20	2223360007	Nguyễn Hoàng	Thành	12/12/2000	02BK15B1	5.0	5.0	5.0		7.0		6.2	Đạt
21	2223240029	Trần Lê Anh	Thư	27/02/2000	02BK15B1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
22	2223360009	Võ Minh Thuận	15/05/2002	02BK15B1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
23	2223240005	Nguyễn Thanh Thúy	05/03/1997	02BK15B1	10.0	9.0	9.3		10.0		9.7	Đạt
24	2223240013	Trần Đức Trung	28/02/1999	02BK15B1	10.0	8.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
25	2203240085	Võ Tấn Vũ	29/07/1996	02BK13A2	10.0	8.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
26	2223360162	Nguyễn Mạnh Cường	27/09/2003	02BK14A1	7.0	5.0	5.7		7.0		6.5	Đạt
27	2223360083	Nguyễn Quốc Ân	01/05/2006	02BK15A3	9.5	8.0	8.5		7.0		7.6	Đạt
28	2223360086	Lê Chí Cường	21/03/2003	02BK15A3	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3	Đạt
29	2223240079	Bùi Thị Điệp	15/06/1998	02BK15A3	7.0	9.0	8.3		9.5		9.0	Đạt
30	2223360087	Nguyễn Hoàng Dinh	27/09/2002	02BK15A3	6.0	7.0	6.7		9.0		8.1	Đạt
31	2223240103	Nguyễn Thị Thúy Hằng	03/05/2002	02BK15A3	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
32	2223240081	Lê Văn Hạnh	12/07/2003	02BK15A3	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
33	2223240092	Nguyễn Văn Huy	14/11/2003	02BK15A3	10.0	10.0	10.0		7.5		8.5	Đạt
34	2223240083	Trần Thị Kim Huyền	15/05/2003	02BK15A3	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
35	2223360090	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	22/12/2003	02BK15A3	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
36	2223360098	Lương Thùy Mỹ Khánh	03/09/2004	02BK15A3	8.0	7.5	7.7		8.5		8.2	Đạt
37	2223360100	Dương Minh Khôi	02/08/2006	02BK15A3	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
38	2223360096	Tạ Trung Kiên	22/07/2002	02BK15A3	10.0	9.5	9.7		7.5		8.4	Đạt
39	2223360080	Đinh Công Lâm	16/02/2003	02BK15A3	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt
40	2223240084	Đỗ Thị Yên Linh	06/03/2003	02BK15A3	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
41	2223360097	Nguyễn Tiến Lợi	14/10/2001	02BK15A3	10.0	10.0	10.0		7.5		8.5	Đạt
42	2223360101	Nguyễn Huỳnh Khánh Ngân	14/12/2005	02BK15A3	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
43	2223240099	Nguyễn Long	Ngọc	22/08/2003	02BK15A3	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
44	2223360076	Lê Đình	Ngọc	13/08/2001	02BK15A3	9.0	7.5	8.0		7.0		7.4	Đạt
45	2223360078	Nguyễn Phạm Nguyệt	Nhi	25/05/2006	02BK15A3	8.0	10.0	9.3		10.0		9.7	Đạt
46	2223360082	Trần Ngọc Hưng	Phát	30/04/2005	02BK15A3	8.5	7.0	7.5		7.5		7.5	Đạt
47	2223360104	Vũ Minh	Sang	06/12/2006	02BK15A3	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
48	2223360081	Huỳnh Thị	Thanh	21/10/2001	02BK15A3	10.0	7.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
49	2223240075	Võ Thanh Mỹ	Tiên	25/08/1994	02BK15A3	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
50	2223240087	Đặng Huỳnh Thủy	Tiên	13/11/2003	02BK15A3	9.0	7.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
51	2223360089	Vũ Hoàng Thiên	Trí	20/07/2003	02BK15A3	9.0	9.0	9.0		7.5		8.1	Đạt
52	2223240091	Trần Thị Cẩm	Tú	12/08/2003	02BK15A3	10.0	8.0	8.7		7.0		7.7	Đạt
53	2223240096	Phù Chí	Tuấn	25/02/2003	02BK15A3	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
54	2223360093	Nguyễn Đặng Thanh	Vy	28/10/2001	02BK15A3	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
55	2223360130	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	28/01/2004	02BK15A4	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
56	2223360095	Dương Đình	Dũng	19/09/2001	02BK15A4	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại
57	2223360105	Nguyễn Thanh	Hải	26/03/2005	02BK15A4	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
58	2223240121	Nguyễn Trung	Hưng	01/11/2000	02BK15A4	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
59	2223360114	Dương Tấn	Khôi	18/09/2004	02BK15A4	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
60	2223360128	Lê Thị Thùy	Linh	01/08/2003	02BK15A4	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
61	2223240122	Đặng Thị Diễm	My	20/04/2003	02BK15A4	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
62	2223360133	Bùi Hoài	Nam	06/02/2004	02BK15A4	8.5	8.0	8.2		8.5		8.4	Đạt
63	2223240126	Lê Thị Yến	Nhi	22/07/2001	02BK15A4	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
64	2223240111	Nguyễn Thị Tố Như	10/2/2002	02BK15A4	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
65	2223240117	Lê Đình Phương	23/04/2001	02BK15A4	10.0	10.0	10.0		8.0		8.8	Đạt
66	2223360119	Phạm Nguyễn Hoàng Quân	06/03/2005	02BK15A4	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
67	2223240112	Trần Anh Quốc	13/07/2002	02BK15A4	8.5	6.5	7.2		8.0		7.7	Đạt
68	2223360136	Nguyễn Phước Thịnh	02/12/2004	02BK15A4	8.0	7.5	7.7		8.0		7.9	Đạt
69	2223180054	Thạch Thượng	20/12/1997	02BK15A4	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
70	2223360137	Văn Quý Thục Trân	07/12/2003	02BK15A4	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
71	2223240123	Đỗ Trần Bảo Trân	05/07/2003	02BK15A4	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
72	1203360045	Nguyễn Thị Như Ý	05/02/2005	02DS13C1	8.0	6.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
73	1832420472	Trần Văn Thơ	27/04/1975	02YS12B1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
74	2203360200	Trần Lê Ngọc Phúc	14/04/2005	02KT13C1	10.0	9.0	9.3		9.5		9.4	Đạt
75	2203360318	Bùi Thị Kim Ngân	09/02/1990	02DS14C1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
76	2223180041	Phạm Sơn Trà	13/10/1989	02BK15B3	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
77	2223240068	Vưu Kim Anh	28/02/1999	02BK15B2	9.0	7.5	8.0		7.5		7.7	Đạt
78	2223240047	Vũ Nhật Nam	29/06/2002	02BK15B2	7.5	7.0	7.2		7.0		7.1	Đạt
79	2223240066	Võ Thị Ngọc Sang	01/10/1985	02BK15B2	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
80	2223240054	Võ Thị Kim Phượng	11/10/1991	02BK15B2	8.5	8.0	8.2		7.0		7.5	Đạt
81	2223240033	Võ Phước Lộc	11/04/2002	02BK15B2	8.0	8.5	8.3		10.0		9.3	Đạt
82	2223240039	Võ Nguyễn Hoàng My	05/04/2003	02BK15B2	10.0	9.5	9.7		9.5		9.6	Đạt
83	2223240048	Trương Thu Thủy	01/01/1994	02BK15B2	10.0	8.0	8.7		9.5		9.2	Đạt
86	2223240044	Trần Thiện Tiến Tâm	14/02/1995	02BK15B2	9.0	8.5	8.7		7.5		8.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
87	2223240069	Trần Thị Sâm	12/11/2003	02BK15B2	9.0	7.5	8.0		10.0		9.2	Đạt
88	2223360073	Trần Nhật Linh	04/04/1999	02BK15B2	8.0	8.5	8.3		8.0		8.1	Đạt
89	2223240076	Trần Đức Dương	13/04/2000	02BK15B2	9.0	8.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
90	2223240031	Thái Lê Lý Mỹ Hoàng	16/09/2000	02BK15B2	9.0	7.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
91	2223360069	Phạm Thảo Nhi	09/07/1996	02BK15B2	7.0	8.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
92	2223360037	Phạm Hoàng Phước	09/02/1997	02BK15B2	9.5	7.5	8.2		10.0		9.3	Đạt
93	2223240058	Nông Thị Tem	25/02/1999	02BK15B2	10.0	7.5	8.3		8.0		8.1	Đạt
94	2223240049	Nguyễn Văn Thái	23/02/1997	02BK15B2	10.0	7.5	8.3		9.5		9.0	Đạt
95	2223240036	Nguyễn Trọng Đức	10/06/1987	02BK15B2	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
96	2223360051	Nguyễn Thị Linh	03/09/2002	02BK15B2	9.0	8.5	8.7		10.0		9.5	Đạt
97	2223240045	Nguyễn Thế Vĩnh	05/04/1997	02BK15B2	10.0	8.0	8.7		10.0		9.5	Đạt
98	2223240055	Nguyễn Thành Phát	27/06/2000	02BK15B2	8.5	9.0	8.8		10.0		9.5	Đạt
99	2223180026	Nguyễn Thái Phương Vi	04/10/1985	02BK15B2	9.5	10.0	9.8		8.5		9.0	Đạt
100	2223360010	Nguyễn Thái Bảo	16/08/2003	02BK15B2	8.0	7.5	7.7		7.5		7.6	Đạt
101	2223240057	Nguyễn Quốc Huy	31/07/2003	02BK15B2	8.5	7.5	7.8		9.5		8.8	Đạt
102	2223240053	Nguyễn Minh Thuận	11/03/2001	02BK15B2	10.0	7.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
103	2223240046	Nguyễn Minh Chiến	10/02/1998	02BK15B2	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
104	2223360057	Nguyễn Hồng Ngự	21/02/1994	02BK15B2	7.5	7.5	7.5				3.0	Thi lại
105	2223360054	Nguyễn Chí Cường	07/10/2000	02BK15B2	9.0	7.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
106	2223240072	Nguyễn Anh Quốc	20/03/1993	02BK15B2	10.0	8.0	8.7		9.5		9.2	Đạt
107	2223240030	Ngô Tuyền Ngọc	31/07/2001	02BK15B2	10.0	8.5	9.0		10.0		9.6	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
108	2223360026	Mai Thị	Huyền	03/06/1999	02BK15B2	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
109	2223180016	Lương Thị Kim	Chi	30/09/1979	02BK15B2	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
110	2223360035	Lê Quang	Duyên	03/08/1993	02BK15B2	10.0	8.5	9.0		8.0		8.4	Đạt
111	2223240063	Lê Nguyễn Mai	Trang	06/01/2000	02BK15B2	9.0	7.5	8.0		7.5		7.7	Đạt
112	2223240070	Lê Minh	Quân	15/06/2002	02BK15B2	9.0	9.0	9.0		7.5		8.1	Đạt
113	2223240050	Lê Khắc	Đạt	08/10/1999	02BK15B2	8.5	9.0	8.8		10.0		9.5	Đạt
114	2223360038	Lê Hồ Bá	Thanh	16/08/1994	02BK15B2	10.0	9.0	9.3		10.0		9.7	Đạt
115	2223240042	Đỗ Thị Tường	Vi	05/08/1987	02BK15B2	9.0	9.0	9.0		7.5		8.1	Đạt
116	2223360043	Đinh Khả	Vy	16/09/2000	02BK15B2	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
117	2223360091	Đồng Hương Thảo	Chân	04/06/1999	02BK15B3	10.0	9.0	9.3		8.0		8.5	Đạt
118	2223240034	Đặng Thị Mỹ	Duyên	24/06/1994	02BK15B2	10.0	8.5	9.0				3.6	Thi lại
119	2223360059	Trịnh Văn	Giàu	20/10/1993	02BK15B2	9.0	9.5	9.3		10.0		9.7	Đạt
120	2223360135	Ngô Thị Tú	Minh	07/10/2001	02BK15B4	9.0	8.5	8.7		6.0		7.1	Đạt
121	2213180068	Phạm Thị	Phượng	03/08/1979	02BK14B7	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
122	2223240037	Vũ Thị	Quyên	12/06/1984	02BK15B2	7.0	7.5	7.3				2.9	Thi lại
123	2223360034	Hoàng Thị Thùy	Trang	23/08/2005	02BK15B2	7.5	7.5	7.5		7.0		7.2	Đạt
124	2223240082	Trần Tuấn	Anh	01/04/2001	02BK15B3	7.0	8.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
125	2223240100	Nguyễn Hoàng	Dung	24/02/2000	02BK15B3	9.0	8.5	8.7		6.0		7.1	Đạt
126	2223360102	Nguyễn Thị	Dương	22/09/2002	02BK15B3	9.0	8.5	8.7		10.0		9.5	Đạt
127	2223360092	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	08/01/2002	02BK15B3	7.5	8.0	7.8		6.0		6.7	Đạt
128	2223240102	Thái Hồ	Quang	20/07/1999	02BK15B3	9.0	8.5	8.7		10.0		9.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
129	2223240078	Phạm Đồng Tâm	25/10/1995	02BK15B3	8.0	8.0	8.0		10.0		9.2	Đạt
130	2223240089	Nguyễn Hữu Trọng	18/08/2000	02BK15B3	8.5	8.5	8.5		10.0		9.4	Đạt
131	2223360099	Lương Minh Tuấn	16/06/1985	02BK15B3	9.0	8.5	8.7		7.0		7.7	Đạt
132	2223240088	Đào Lan Vi	01/04/1995	02BK15B3	9.0	8.5	8.7		6.0		7.1	Đạt
133	2223240085	Lê Bảo Vy	19/06/2000	02BK15B3	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại
134	2223360132	Huỳnh Quốc Cường	05/07/1999	02BK15B4	8.0	8.0	8.0		10.0		9.2	Đạt
135	2223240109	Lê Thị Thùy Dung	21/03/2000	02BK15B4	6.0	8.0	7.3		10.0		8.9	Đạt
136	2223240118	Hồ Trung Hiếu	08/02/2003	02BK15B4	7.0	7.5	7.3		7.0		7.1	Đạt
137	2223240120	Lê Thị Hường	02/09/1996	02BK15B4	6.5	8.0	7.5		10.0		9.0	Đạt
138	2223360138	Mai Quốc Huy	04/01/2003	02BK15B4	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
139	2223240107	Phạm Hữu Minh	19/10/1988	02BK15B4	9.0	8.5	8.7		10.0		9.5	Đạt
140	2223240116	Trần Đoàn Cẩm Phượng	15/08/2001	02BK15B4	6.0	7.5	7.0		6.0		6.4	Đạt
141	2223240108	Đỗ Văn Thắng	24/03/2002	02BK15B4	8.0	8.0	8.0		6.5		7.1	Đạt
142	2223360134	Phạm Thị Hương Thảo	20/07/2003	02BK15B4	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
143	2223240106	Nguyễn Thanh Thảo	17/09/2002	02BK15B4	6.5	8.0	7.5		10.0		9.0	Đạt
144	2223180058	Nguyễn Minh Thức	25/11/1985	02BK15B4	7.0	8.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
145	2223240119	Mai Thanh Trang	15/06/1997	02BK15B4	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
146	2223240104	Nguyễn Thị Ánh Vy	05/08/1996	02BK15B4	6.0	7.5	7.0				2.8	Thi lại
147	2223240140	Trần Thị Vân Anh	08/04/2001	02BK15B5	9.0	8.5	8.7		10.0		9.5	Đạt
148	2223240134	Nguyễn Thị Mỹ Châu	01/01/1995	02BK15B5	8.0	8.0	8.0		10.0		9.2	Đạt
149	2223240141	Đỗ Thị Thùy Dương	08/07/2002	02BK15B5	6.0	8.0	7.3		10.0		8.9	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
150	2223240129	Hồ Thị Giang	09/12/2000	02BK15B5	8.0	8.0	8.0		10.0		9.2	Đạt
151	2223360178	Trần Thị Thanh Hà	09/08/1988	02BK15B5	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
152	2223240137	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	09/04/1996	02BK15B5	6.0	8.0	7.3		10.0		8.9	Đạt
153	2223240127	Bùi Thị Hiền	09/10/2002	02BK15B5	7.5	8.0	7.8		5.0		6.1	Đạt
154	2223240135	Lê Đức Hưng	07/09/1985	02BK15B5	8.0	8.0	8.0		10.0		9.2	Đạt
155	2223360203	Phạm Thị Lệ Kiều	01/06/1994	02BK15B5	7.5	8.0	7.8		6.0		6.7	Đạt
156	2223180061	Nguyễn Thị Tuyết Măng	27/01/1989	02BK15B5	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
157	2223240124	Vũ Thị Yên Nhi	27/07/2000	02BK15B5	8.5	8.0	8.2		9.0		8.7	Đạt
158	2223240133	Nguyễn Ngọc Thủy	06/06/1996	02BK15B5	9.0	8.5	8.7		6.0		7.1	Đạt
159	2223360112	Phạm Thị Bích Thủy	15/10/1983	02BK15B4	6.5	8.0	7.5		6.0		6.6	Đạt
160	1223360071	Nguyễn Đức Toàn	11/03/2004	02BK15B5	8.0	8.0	8.0		10.0		9.2	Đạt
161	2223240131	Nguyễn Đan Vy	10/08/2002	02BK15B5	7.0	8.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
162	2223240132	Nguyễn Hùng	21/01/2002	02BK15B5	7.0	8.0	7.7		10.0		9.1	Đạt
163	2223360181	Lê Thị Trường Vang	13/12/1989	02BK15B5	9.0	8.5	8.7		10.0		9.5	Đạt
164	2223240128	Đào Đạt Tuấn	08/04/1998	02BK15B4	7.5	8.5	8.2		6.0		6.9	Đạt
165	2223360053	Trần Minh Trâm Anh	16/02/2005	02BK15A2	10.0	9.0	9.3		7.0		7.9	Đạt
166	2223240061	Nguyễn Phúc Bảo Châu	02/07/2003	02BK15A2	10.0	7.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
167	2223360050	Quách Khả Doanh	14/04/2006	02BK15A2	8.0	5.0	6.0		8.0		7.2	Đạt
168	2223360030	Nguyễn Thị Khánh Duy	20/09/2005	02BK15A2	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
169	2223360031	Ngô Quang Hiệp	19/04/2002	02BK15A2	10.0	7.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
170	2223240035	Nguyễn Khắc Huy	15/09/2000	02BK15A2	10.0	9.0	9.3		10.0		9.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
171	2223360033	Nguyễn Thị Đăng	Khoa	02/08/2003	02BK15A2	8.0	6.0	6.7		9.0		8.1	Đạt
172	2223360061	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	04/02/2003	02BK15A2	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
173	2223360068	Trần Thanh Phước	Lộc	24/12/1988	02BK15A2	10.0	8.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
174	2223240073	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	07/03/2003	02BK15A2	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
175	2223360058	Trần Thị Thanh	Nguyên	24/01/2004	02BK15A2	10.0	6.0	7.3		9.5		8.6	Đạt
176	2223360042	Đặng Xuân	Nhật	10/11/2001	02BK15A2	10.0	7.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
177	2223240067	Võ Tuệ	Nhi	29/01/2001	02BK15A2	10.0	5.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
178	2223360023	Phạm Nguyễn Minh	Nhựt	29/12/2006	02BK15A2	10.0	5.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
179	2223240051	Lê Kim	Phuong	28/10/2003	02BK15A2	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
180	2213360381	Trần Lê Thảo	Quyên	11/12/2003	02BK15A2	10.0	6.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
181	2223360055	Trương Tấn	Tài	29/01/2003	02BK15A2	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
182	2223360062	Nguyễn Đức	Tài	12/12/2002	02BK15A2	10.0	5.0	6.7		8.0		7.5	Đạt
183	2223240064	Hoàng Nguyễn Kim	Thư	07/05/2003	02BK15A2	8.0	5.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
184	2223360052	Huỳnh Văn	Thường	17/12/2004	02BK15A2	10.0	7.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
185	2223360025	Ngô Thị Bích	Trâm	07/03/2002	02BK15A2	8.0	6.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
186	2223360040	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	02/03/2002	02BK15A2	8.0	6.0	6.7		8.0		7.5	Đạt
187	2223240065	Nguyễn Ngọc	Triu	25/04/1998	02BK15A2	10.0	10.0	10.0		9.0		9.4	Đạt
188	2223360063	Nguyễn Anh	Tuấn	19/03/2003	02BK15A2	10.0	9.0	9.3		6.0		7.3	Đạt
189	3223240022	Trần Thị Hồng	Cúc	10/02/1998	02BK15A5	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
190	2223240130	Nguyễn Gia	Đông	25/01/1996	02BK15A5	10.0	8.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
191	2223240147	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	08/03/2001	02BK15A5	10.0	8.0	8.7		10.0		9.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
192	2223360198	Đặng Thế Hùng	21/12/2006	02BK15A5	10.0	8.0	8.7		5.0		6.5	Đạt
193	2223360179	Trịnh Huy Khánh	14/09/2006	02BK15A5	10.0	5.0	6.7		8.0		7.5	Đạt
194	2223360072	Chiềng Séc Muộn	09/10/1999	02BK15A5	6.0	6.0	6.0		8.0		7.2	Đạt
195	2223240145	Phạm Tấn Nhất	11/05/1996	02BK15A5	6.0	5.0	5.3		6.0		5.7	Đạt
196	2223360156	Phạm Trần Hà Phương	13/04/2004	02BK15A5	10.0	8.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
197	2223360189	Trần Xuân Quyển	25/10/2003	02BK15A5	7.0	5.0	5.7		6.0		5.9	Đạt
198	2223360175	Huỳnh Tấn Thông	15/12/2003	02BK15A5	10.0	5.0	6.7		8.0		7.5	Đạt
199	2223360017	Lê Thị Hồng Gấm	02/06/1999	02BK15A1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
200	2223360006	Võ Thị Hồng	02/06/1991	02BK15A1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
201	2223240021	Lê Quốc Khánh	22/04/2001	02BK15A1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
202	2223240020	Đặng Trần Mỹ Linh	21/06/2001	02BK15A1	7.5	8.0	7.8		8.0		7.9	Đạt
203	2223360020	Nguyễn Xuân Lợi	18/08/2001	02BK15A1	8.5	9.0	8.8		9.0		8.9	Đạt
204	2223240008	Võ Nguyễn Hạnh Nguyên	17/10/2000	02BK15A1	9.0	9.0	9.0		10.0		9.6	Đạt
205	2223360018	Đỗ Phú Thành Tài	03/06/2006	02BK15A1	7.5	8.0	7.8		8.5		8.2	Đạt
206	2223360003	Dương Thị Bé Thảo	29/09/1995	02BK15A1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
207	2223360011	Trần Ngọc Thanh Thảo	23/04/2005	02BK15A1	8.5	9.0	8.8		8.5		8.6	Đạt
208	2223240028	Trần Tiến Tới	13/09/2003	02BK15A1	7.5	8.0	7.8		8.0		7.9	Đạt
209	2223240019	Phạm Minh Trang	07/02/2000	02BK15A1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
210	2223240009	Trần Anh Tuấn	19/11/1996	02BK15A1	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3	Đạt
211	2223360012	Lê Thùy Uyên	22/10/2003	02BK15A1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
212	2223360005	Trịnh Thị Thúy Vân	24/06/1998	02BK15A1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
213	2223240026	Thái Triệu Vy	26/02/2002	02BK15A1	8.5	9.0	8.8		9.5		9.2	Đạt
214	3223240024	Ngô Tú Anh	23/11/1996	02BK15B5	7.5	7.5	7.5		7.5		7.5	Đạt
215	3223240009	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	13/08/2001	02BK15B2	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
216	3223240007	Đặng Trần Thi Ca	20/02/1997	02BK15B2	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
217	3223240021	Phan Thị Đô	02/09/1990	02BK15B5	6.5	7.5	7.2		7.0		7.1	Đạt
218	3223240018	Ngô Thái Hòa	19/08/1998	02BK15B4	10.0	7.5	8.3		10.0		9.3	Đạt
219	3223240019	Đào Đức Lợi	10/01/1998	02BK15B4	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
220	3223240010	Đoàn Nhất Nương	29/12/1992	02BK15B2	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
221	3223240020	Võ Ngọc Kiều Nhi	24/09/1998	02BK15B4	8.5	9.0	8.8		8.5		8.6	Đạt
222	3223240008	Lương Thiêm Phát	19/04/1998	02BK15B2	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
223	3223240023	Nguyễn Hoàng Phúc	08/04/2001	02BK15B5	8.0	7.5	7.7		8.0		7.9	Đạt
224	1223240009	Lê Thị Cẩm Tú	22/01/2000	01BK15B2	9.0	9.5	9.3		9.0		9.1	Đạt
225	3223240011	Nguyễn Thị Cẩm Tú	07/03/2001	02BK15B3	8.5	8.5	8.5		8.0		8.2	Đạt
226	3223240016	Nguyễn Thị Cẩm Tú	30/08/1990	02BK15B3	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
227	3223240015	Hồ Thị Xuân Thảo	16/06/1999	02BK15B3	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
228	3223240017	Nguyễn Thị Diễm Thuý	17/12/1998	02BK15B3	8.5	8.5	8.5		8.5		8.5	Đạt
229	3223240014	Đỗ Xuân Vũ	02/12/1993	02BK15B3	8.5	8.5	8.5		9.5		9.1	Đạt
230	2223240110	Lê Đỗ Hoàng Bảo Trâm	12/02/1997	02BK15B4	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
231	3223240025	Nguyễn Thành Trung	26/08/1990	02BK15B5	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
232	2223360480	Nguyễn Kim Anh	03/02/2000	02BK15A8	8.0	9.0	8.67		8.0		8.3	Đạt
233	2223360139	Lâm Tâm An	14/11/2007	02BK15A6.1	10.0	6.0	7.3		5.0		5.9	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
234	2223360127	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	21/12/2007	02BK15A6.1	8.0	9.0	8.7		7.0		7.7	Đạt
235	2223360208	Trần Trọng	Anh	03/08/2003	02BK15A6.1	8.0	9.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
236	2223360187	Nguyễn Hoàng Ngọc	Ánh	16/03/2007	02BK15A6.1	5.0	7.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
237	2223360190	Châu Quốc	Bảo	20/10/2003	02BK15A6.1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
238	2223360166	Dương Minh	Công	28/09/2007	02BK15A6.1	7.0	9.0	8.3		6.0		6.9	Đạt
239	2223360202	Nguyễn Thị Mai	Dung	16/06/2007	02BK15A6.1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
240	2223360143	Phạm Ngọc	Duyên	13/11/2006	02BK15A6.1	5.0	8.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
241	2223360212	Nguyễn Hoàng Thục	Đoan	30/06/2006	02BK15A6.1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
242	2223360184	Trần Khang	Hào	05/04/2006	02BK15A6.1	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt
243	2223360113	Võ Minh	Hằng	20/03/2007	02BK15A6.1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
244	2223360122	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	05/09/2007	02BK15A6.1	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
245	2223360124	Nguyễn Bảo Ngọc	Hân	15/07/2007	02BK15A6.1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
246	2223360150	Phạm Đức	Hiếu	22/12/2007	02BK15A6.1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
247	2223360191	Trần Gia	Hoàng	01/01/2007	02BK15A6.1	5.0	10.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
248	2223360152	Nguyễn Phước Gia	Huy	26/01/2007	02BK15A6.1	7.0	9.0	8.3		5.0		6.3	Đạt
249	2223360120	Lê Tuấn	Kiệt	01/12/2005	02BK15A6.1	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
250	2223360193	Trần Thái	Kim	26/10/2007	02BK15A6.1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
251	2223360163	Phạm Minh	Khang	01/01/2006	02BK15A6.1	5.0	7.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
252	2223360103	Trần Vương	Khánh	10/08/2007	02BK15A6.1	6.0	8.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
253	2223360167	Trương Trung	Khánh	01/09/2007	02BK15A6.1	5.0	8.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
254	2223360200	Vũ Diệp	Lam	14/07/2007	02BK15A6.1	5.0	10.0	8.3		5.0		6.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
255	2223360125	Tạ Nguyễn Khánh Linh	26/06/2007	02BK15A6.1	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt
256	2223360186	Nguyễn Nhựt Linh	07/05/2007	02BK15A6.1	5.0	7.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
257	2223360168	Võ Nguyễn Hồng My	01/02/2007	02BK15A6.1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
258	2223360121	Nguyễn Thanh Ngân	30/10/2007	02BK15A6.1	5.0	7.0	6.3		6.0		6.1	Đạt
259	2223360148	Ngô Mỹ Ngọc	07/10/2007	02BK15A6.1	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt
260	2223360196	Trần Nguyễn	26/05/2007	02BK15A6.1	5.0	8.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
261	2223360118	Nguyễn Phú Huỳnh Nhi	26/11/2007	02BK15A6.1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
262	2223360144	Phùng Yến Nhi	21/11/2007	02BK15A6.1	7.0	9.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
263	2223360145	Đinh Thị Ái Nhi	12/07/2007	02BK15A6.1	6.0	5.0	5.3		5.0		5.1	Đạt
264	2223360182	Lê Ngọc Yến Nhi	11/09/2007	02BK15A6.1	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt
265	2223360151	Hồ Quỳnh Như	04/09/2005	02BK15A6.1	6.0	5.0	5.3		5.0		5.1	Đạt
266	2223360183	Nguyễn Ngọc Yến Như	22/05/2007	02BK15A6.1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
267	2223360157	Trương Nguyễn Kiều Oanh	29/04/2007	02BK15A6.1	6.0	9.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
268	2223360188	Nguyễn Minh Phú	26/03/2007	02BK15A6.1	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
269	2223360205	Phạm Nguyễn Thiên Phúc	16/12/2006	02BK15A6.1	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
270	2223360129	Lê Nguyễn Ngọc Phương	14/06/2007	02BK15A6.1	5.0	8.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
271	2223360159	Trần Minh Quân	17/12/2005	02BK15A6.1	7.0	9.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
272	2223360169	Lê Phạm Như Quỳnh	26/02/2007	02BK15A6.1	5.0	9.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
273	2223360170	Nguyễn Ánh Kim Sa	28/11/2007	02BK15A6.1	5.0	8.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
274	2223360158	Nguyễn Tiến	24/02/2007	02BK15A6.1	5.0	9.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
275	2223360123	Nguyễn Thị Cẩm Tú	14/02/2007	02BK15A6.1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
276	2223360197	Nguyễn Thị Thảo	28/05/2006	02BK15A6.1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
277	2223360180	Nguyễn Anh Thư	30/03/2007	02BK15A6.1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
278	2223360194	Nguyễn Hoàng Thức	08/03/2007	02BK15A6.1	5.0	9.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
279	2223240144	Trương Minh Nguyên	30/08/1994	02BK15A6.1	8.0	10.0	9.3		8.0		8.5	Đạt
280	2223360199	Lê Ngọc Bảo Thy	25/12/2007	02BK15A6.1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
281	2223360172	Huỳnh Ngọc Xuân	18/12/2007	02BK15A6.1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
282	2223360161	Nguyễn Hoàng Ngọc Trâm	09/11/2007	02BK15A6.1	5.0	8.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
283	2223360195	Bùi Lê Ngọc Trâm	02/05/2007	02BK15A6.1	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt
284	2223360207	Phạm Phú Trọng	07/03/2007	02BK15A6.1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
285	2223360140	Lê Nguyễn Tường Vy	03/10/2007	02BK15A6.1	5.0	8.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
286	2223360160	Nguyễn Hồng Phi Yến	18/07/2007	02BK15A6.1	5.0	7.0	6.3		6.0		6.1	Đạt
287	2223240149	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	31/07/2001	02BK15A6.2	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
288	2223360270	Đặng Hồng Ánh	30/11/2007	02BK15A6.2	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
289	2223360235	Lê Hoàng Thiên Ân	26/07/2007	02BK15A6.2	6.0	5.0	5.3		9.0		7.5	Đạt
290	2223360264	Huỳnh Trọng Ân	30/01/2007	02BK15A6.2	6.0	9.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
291	2223360239	Phạm Minh Gia Bảo	21/03/2007	02BK15A6.2	6.0	9.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
292	2223360269	Nguyễn Hữu Bảo	20/09/2007	02BK15A6.2	8.0	6.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
293	2223360275	Nguyễn Ngọc Bích	24/07/2007	02BK15A6.2	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
294	2223360213	Nguyễn Tấn Bình	30/10/2006	02BK15A6.2	6.0	7.0	6.7		9.0		8.1	Đạt
295	2223360219	Nguyễn Ngọc Minh Châu	20/10/2007	02BK15A6.2	7.0	8.0	7.7		9.0		8.5	Đạt
296	2223360245	Bùi Yến Chi	05/04/2007	02BK15A6.2	9.0	5.0	6.3		9.0		7.9	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
297	2223360223	Võ Văn Chung	21/06/2007	02BK15A6.2	10.0	7.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
298	2223360225	Ung Tấn Đạt	15/11/2007	02BK15A6.2	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
299	2223360238	Lê Đình Đạt	29/01/2007	02BK15A6.2	8.0	5.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
300	2223360263	Đình Hiền Đạt	21/08/2007	02BK15A6.2	9.0	5.0	6.3		9.0		7.9	Đạt
301	2223360273	Nguyễn En - Ny	24/01/2007	02BK15A6.2	7.0	9.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
302	2223360224	Nguyễn Thị Hà	19/01/2001	02BK15A6.2	10.0	9.0	9.3		10.0		9.7	Đạt
303	2223240154	Phạm Gia Hân	07/06/1996	02BK15A6.2	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
304	2223360241	Nguyễn Thanh Thu Hồng	16/12/2007	02BK15A6.2	10.0	10.0	10.0		9.0		9.4	Đạt
305	2223360243	Lê Quang Huy	06/01/2007	02BK15A6.2	5.0	6.0	5.7		8.0		7.1	Đạt
306	2223360215	Đỗ Phước Hưng	07/02/2004	02BK15A6.2	6.0	7.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
307	2223360216	Hứa Nguyễn Đăng Khoa	01/01/2006	02BK15A6.2	7.0	9.0	8.3		9.0		8.7	Đạt
308	2223360260	Trương Trần Mạnh Khôi	11/04/2007	02BK15A6.2	8.0	6.0	6.7		8.0		7.5	Đạt
309	2223360236	Lê Thành Luân	21/05/2007	02BK15A6.2	10.0	8.0	8.7		10.0		9.5	Đạt
310	2223360274	Nguyễn Cao Thế Minh	07/10/2006	02BK15A6.2	7.0	6.0	6.3		9.0		7.9	Đạt
311	2223360234	Võ Âu Bảo Ngọc	13/09/2007	02BK15A6.2	6.0	8.0	7.3		9.0		8.3	Đạt
312	2223360254	Lê Võ Khánh Như	21/12/2007	02BK15A6.2	6.0	9.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
313	2223360276	Lê Thái Tâm Như	07/12/2007	02BK15A6.2	5.0	7.0	6.3		8.0		7.3	Đạt
314	2223360226	Nguyễn Ngọc Hà Phương	16/06/2007	02BK15A6.2	7.0	9.0	8.3		9.0		8.7	Đạt
315	2223360278	Nguyễn Thanh Sang	14/03/2007	02BK15A6.2	9.0	10.0	9.7		10.0		9.9	Đạt
316	2223360242	Tô Nguyễn Trường Sơn	08/06/2007	02BK15A6.2	6.0	8.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
317	2223360277	Nguyễn Tấn Tài	27/10/2007	02BK15A6.2	8.0	7.0	7.3		9.0		8.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
318	2223360261	Lê Thảo Tiên	27/01/2006	02BK15A6.2	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
319	2223360252	Cao Thanh Tú	07/05/2006	02BK15A6.2	7.0	9.0	8.3		9.0		8.7	Đạt
320	2223360249	Phan Huỳnh Minh Tuấn	02/12/2007	02BK15A6.2	7.0	8.0	7.7		9.0		8.5	Đạt
321	2223360217	Nguyễn Thiện Hoàn	05/03/2003	02BK15A6.2	8.0	9.0	8.7		5.0		6.5	Đạt
322	2223360218	Nguyễn Ngọc Quốc	21/09/2007	02BK15A6.2	9.0	7.0	7.7		9.0		8.5	Đạt
323	2223360231	Hoàng Kim Anh	18/03/2006	02BK15A6.2	7.0	8.0	7.7		9.0		8.5	Đạt
324	2223360248	Nguyễn Nhựt Minh	03/01/2007	02BK15A6.2	10.0	10.0	10.0		7.0		8.2	Đạt
325	2223360250	Lê Ngọc Y	21/12/2007	02BK15A6.2	10.0	10.0	10.0		9.0		9.4	Đạt
326	2223360279	Ngô Mỹ Trang	26/10/2007	02BK15A6.2	8.0	9.0	8.7		7.0		7.7	Đạt
327	2223360228	Nguyễn Ngọc Bích	08/06/2006	02BK15A6.2	7.0	10.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
328	2223360272	Nguyễn Minh Triết	05/05/2006	02BK15A6.2	6.0	5.0	5.3		8.0		6.9	Đạt
329	2223360230	Trần Lê Kiều	03/10/2006	02BK15A6.2	7.0	10.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
330	2223240155	Nguyễn Thị Ngọc	22/01/1998	02BK15A6.2	7.0	10.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
331	2223360244	Hứa Thị Hạnh	21/07/2007	02BK15A6.2	8.0	6.0	6.7		9.0		8.1	Đạt
332	2223360232	Võ Phan Phú	08/04/2007	02BK15A6.2	10.0	7.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
333	2223360233	Nguyễn Ngọc Phương	19/07/2007	02BK15A6.2	6.0	7.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
334	2223360214	Lê Ngọc Khả	28/07/2007	02BK15A6.2	8.0	9.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
335	2223360246	Trịnh Hoàng Bảo	18/08/2007	02BK15A6.2	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt
336	2223360201	Bùi Ngọc Vân	17/03/2007	02BK15A6.3	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
337	2223360293	Nguyễn Văn An	13/11/2007	02BK15A6.3	6.0	7.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
338	2223360314	Hồ Hoài An	17/11/2007	02BK15A6.3	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
339	2223360284	Hà Bảo Anh	03/09/2007	02BK15A6.3	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
340	2223360315	Đinh Duy Anh	25/06/2007	02BK15A6.3	5.0	9.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
341	2223360329	Du Quế Ân	10/07/2007	02BK15A6.3	6.0	9.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
342	2223360302	Phan Nguyễn Gia Bảo	23/12/2007	02BK15A6.3	6.0	9.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
343	2223360333	Đoàn Lâm Thiện Bảo	28/11/2007	02BK15A6.3	6.0	7.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
344	2223360337	Nguyễn Viết Thành Công	20/10/2007	02BK15A6.3	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
345	2223360308	Trần Trí Dũng	29/08/2007	02BK15A6.3	5.0	9.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
346	2223360313	Nguyễn Nhật Tùng Dương	27/07/2006	02BK15A6.3	6.0	10.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
347	2223360342	Phạm Thế Hào	27/06/2007	02BK15A6.3	6.0	8.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
348	2223360291	Trương Gia Hân	07/06/2007	02BK15A6.3	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
349	2223360300	Lương Kim Bảo Hân	15/02/2006	02BK15A6.3	8.0	9.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
350	2223360320	Nguyễn Hồ Thanh Hiệp	23/09/2007	02BK15A6.3	6.0	7.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
351	2223360335	Đặng Văn Hiếu	04/11/2007	02BK15A6.3	6.0	9.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
352	2223360283	Trần Như Châu Thanh Hòa	16/04/2007	02BK15A6.3	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
353	2223360343	Huỳnh Đặng Khải Hoàn	24/03/2007	02BK15A6.3	5.0	8.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
354	2223360319	Trần Nguyễn Văn Hoàng	26/12/2006	02BK15A6.3	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
355	2223360322	Ngô Minh Hoàng	13/07/2007	02BK15A6.3	7.0	9.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
356	2223360317	Nguyễn Văn Khải	17/06/2005	02BK15A6.3	8.0	5.0	6.0		9.0		7.8	Đạt
357	2223360295	Phan Thị Thùy Linh	30/03/2007	02BK15A6.3	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
358	2223360323	Phạm Ngọc Thanh Loan	19/08/2007	02BK15A6.3	9.0	9.0	9.0		7.0		7.8	Đạt
359	2223360353	Mai Kha Long	05/09/2007	02BK15A6.3	6.0	9.0	8.0		8.0		8.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
360	2223360352	Trần Phúc Lộc	25/09/2007	02BK15A6.3	7.0	9.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
361	2223360303	Phạm Mộc Miên	20/10/2007	02BK15A6.3	6.0	9.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
362	2223360294	Nguyễn Hoàng Nam	30/01/2007	02BK15A6.3	5.0	10.0	8.3		9.0		8.7	Đạt
363	2223360288	Trần Bảo Ngân	20/10/2007	02BK15A6.3	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt
364	2223360338	Trần Quang Ngân	23/07/2004	02BK15A6.3	6.0	9.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
365	2223360301	Nguyễn Hồng Ngọc	12/02/2007	02BK15A6.3	7.0	9.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
366	2223360348	Trần Nguyễn Hòa Nhã	22/11/2007	02BK15A6.3	6.0	7.0	6.7		8.0		7.5	Đạt
367	2223360304	Nguyễn Thiên Nhi	23/07/2007	02BK15A6.3	6.0	9.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
368	2223360340	Trần Yến Nhi	26/11/2007	02BK15A6.3	9.0	10.0	9.7		10.0		9.9	Đạt
369	2223360282	Hồ Quỳnh Như	29/11/2007	02BK15A6.3	6.0	8.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
370	2223360344	Trần Ngọc Như	16/11/2007	02BK15A6.3	6.0	8.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
371	2223360346	Nguyễn Thị Kim Oanh	04/12/2007	02BK15A6.3	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt
372	2223360297	Trịnh Đoàn Tuấn Phong	19/08/2007	02BK15A6.3	9.0	9.0	9.0		10.0		9.6	Đạt
373	2223360305	Vũ Đình Phong	25/12/2007	02BK15A6.3	10.0	5.0	6.7		9.0		8.1	Đạt
374	2223360298	Phạm Thiên Phú	01/04/2007	02BK15A6.3	5.0	9.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
375	2223360336	Lý Hữu Phước	15/06/2007	02BK15A6.3	5.0	9.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
376	2223360326	Huỳnh Thị Minh Phương	31/12/2006	02BK15A6.3	6.0	7.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
377	2223360332	Nguyễn Thị Hồng Phương	08/07/2007	02BK15A6.3	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
378	2223360350	Đặng Thị Trúc Phương	15/10/2007	02BK15A6.3	6.0	9.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
379	2223360290	Dương Trung Quân	12/01/2007	02BK15A6.3	6.0	9.0	8.0		10.0		9.2	Đạt
380	2223360309	Lê Hoàng Quân	21/09/2007	02BK15A6.3	6.0	7.0	6.7		7.0		6.9	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
381	2223360325	Võ Minh Tiến	25/09/2007	02BK15A6.3	6.0	9.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
382	2223240157	Đào Trung Tín	09/12/2002	02BK15A6.3	9.0	10.0	9.7		10.0		9.9	Đạt
383	2223360306	Nguyễn Chí Thành	19/10/2006	02BK15A6.3	6.0	5.0	5.3		5.0		5.1	Đạt
384	2223360349	Nguyễn Tấn Thuận	24/11/2007	02BK15A6.3	6.0	8.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
385	2223360311	Nguyễn Vũ Ngọc Thùy	02/12/2000	02BK15A6.3	6.0	9.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
386	2223360299	Lý Ngọc Bảo Trân	20/11/2007	02BK15A6.3	6.0	9.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
387	2223360316	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	19/08/2007	02BK15A6.3	9.0	10.0	9.7		6.0		7.5	Đạt
388	2223360341	Nguyễn Thanh Trúc	30/12/2007	02BK15A6.3	6.0	9.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
389	2223360287	Huỳnh Thị Thanh Vy	19/10/2007	02BK15A6.3	5.0	6.0	5.7		6.0		5.9	Đạt
390	2223360327	Bùi Nguyễn Thanh Vy	27/10/2007	02BK15A6.3	8.0	9.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
391	2223360281	Ngô Ngọc Minh Xuân	12/08/2007	02BK15A6.3	8.0	10.0	9.3		8.0		8.5	Đạt
392	2223360256	Nguyễn Thuý Diễm	21/01/2007	02BK15A7	8.0	6.0	6.7		8.0		7.5	Đạt
393	2223360258	Lâm Minh Thắng	22/07/2007	02BK15A7	10.0	7.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
394	2223360496	Nguyễn Chí Quang	03/11/2007	02BK15A6	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
395	2223240195	Đào Tấn Nhật	27/04/2004	0BK15A8.2	10.0	9.0	9.3		6.0		7.3	Đạt
396	2223240235	Trịnh Thị Yến Nhi	30/12/2004	0BK15A8.2	10.0	10.0	10.0		9.0		9.4	Đạt
397	2223360502	Trần Linh Như	31/05/2006	0BK15A8.2	6.0	7.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
398	2223240207	Võ Phan Kiều Oanh	19/11/2004	0BK15A8.2	6.0	7.0	6.7		8.0		7.5	Đạt
399	2223240211	Phan Hồng Phấn	19/10/2004	0BK15A8.2	10.0	9.0	9.3		8.0		8.5	Đạt
400	2223360481	Nguyễn Phạm Hồng Phúc	06/03/2004	0BK15A8.2	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
401	2223360494	Lê Văn Phúc	21/02/2007	0BK15A8.2	10.0	7.0	8.0		6.0		6.8	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
402	2223240222	Lê Thị Kim	Phụng	15/08/2004	0BK15A8.2	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
403	2223360475	Nguyễn Phùng Mỹ	Phuong	05/09/2007	0BK15A8.2	8.0	10.0	9.3		5.0		6.7	Đạt
404	2223360534	Nguyễn Hoàng Tiểu	Phuong	27/06/2006	0BK15A8.2	10.0	7.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
405	2223360542	Huỳnh Ngọc Minh	Quân	13/08/2005	0BK15A8.2	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
406	2223240176	Thống Quý	Quyền	25/10/2004	0BK15A8.2	10.0	9.0	9.3		8.0		8.5	Đạt
407	2223360512	Phạm Thanh	Sang	25/12/2006	0BK15A8.2	6.0	5.0	5.3		6.0		5.7	Đạt
408	2223240218	Nguyễn Đình	Son	01/06/2004	0BK15A8.2	8.0	9.0	8.7		7.0		7.7	Đạt
409	2223240253	Nguyễn Đăng	Sỹ	23/08/2004	0BK15A8.2	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
410	2223240217	Thái Thị Phuong	Tâm	23/04/2004	0BK15A8.2	10.0	7.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
411	2223240232	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	12/01/2004	0BK15A8.2	10.0	8.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
412	2223360518	Nguyễn Quốc	Thắng	01/12/2007	0BK15A8.2	10.0	6.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
413	2223360520	Trần Phuong	Thanh	05/05/2007	0BK15A8.2	10.0	5.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
414	2223240252	Đặng Tấn	Thành	22/11/2004	0BK15A8.2	10.0	8.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
415	2223360514	Lê Minh	Thiện	18/10/2002	0BK15A8.2	10.0	9.0	9.3		7.0		7.9	Đạt
416	2223360531	Nguyễn Huỳnh Minh	Thiện	17/03/2006	0BK15A8.2	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
417	2223360524	Trần Minh	Thu	21/08/2004	0BK15A8.2	10.0	9.0	9.3		6.0		7.3	Đạt
418	2223240216	Võ Thị Hoài	Thương	23/02/2004	0BK15A8.2	10.0	9.0	9.3		6.0		7.3	Đạt
419	2223240174	Trương Kim	Thùy	08/04/2004	0BK15A8.2	10.0	8.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
420	2223240220	Nguyễn Thị Phuong	Thùy	25/11/2004	0BK15A8.2	10.0	9.0	9.3		6.0		7.3	Đạt
421	2223360511	Phan Thanh	Toàn	25/10/2006	0BK15A8.2	10.0	9.0	9.3		7.0		7.9	Đạt
422	2223240231	Phan Ngọc	Trâm	09/01/2004	0BK15A8.2	10.0	9.0	9.3		10.0		9.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
423	2223240246	Bùi Ngọc Trâm	17/10/2001	0BK15A8.2	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
424	2223360491	Lê Nguyễn Bảo Trân	11/05/2007	0BK15A8.2	6.0	5.0	5.3		6.0		5.7	Đạt
425	2223240181	Trương Huyền Nhã Trân	14/05/2004	0BK15A8.2	10.0	9.0	9.3		6.0		7.3	Đạt
426	2223360165	Võ Mai Trang	25/09/2007	0BK15A8.2	8.0	9.0	8.7		5.0		6.5	Đạt
427	2223240214	Trương Hồ Minh Trí	10/06/2003	0BK15A8.2	10.0	10.0	10.0		6.0		7.6	Đạt
428	2223360551	Nguyễn Minh Trí	10/11/2007	0BK15A8.2	9.0	9.0	9.0		5.0		6.6	Đạt
429	2223240182	Nguyễn Hoàng Thanh Trọng	12/10/2004	0BK15A8.2	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
430	2223240212	Nguyễn Quốc Trung	01/01/2004	0BK15A8.2	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
431	2223360522	Bùi Quang Trường	27/02/2003	0BK15A8.2	8.0	5.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
432	2223360538	Đinh Thị Cẩm Tú	03/06/2006	0BK15A8.2	6.0	10.0	8.7		5.0		6.5	Đạt
433	2223360548	Phạm Lê Minh Tú	19/09/2006	0BK15A8.2	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
434	2223240230	Trần Thị Ngọc Tuyền	18/01/2004	0BK15A8.2	10.0	10.0	10.0		8.0		8.8	Đạt
435	2223360537	Kim Ngọc Vy	01/09/2005	0BK15A8.2	10.0	8.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
436	2213360004	Nguyễn Vũ Hoàng Phong	09/02/2004	0BK15A8.2	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
437	2223360530	Nguyễn Thị Sao Mai	17/06/1987	0BK15A8.2	7.0	9.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
438	2223240259	Phạm Lê Duy Toàn	25/09/2004	0BK15A8.2	10.0	9.0	9.3		8.0		8.5	Đạt
439	2223360565	Phạm Mai Anh	10/10/2006	0BK15A8.2	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt
440	2223240262	Đinh Quang Minh	23/06/2004	0BK15A8.2	10.0	9.0	9.3		10.0		9.7	Đạt
441	2223360567	Nguyễn Thị Như Huỳnh	07/01/2006	0BK15A8.2	10.0	7.0	8.0		10.0		9.2	Đạt
442	2223360569	Phạm Nhật Minh	01/07/2006	0BK15A8.2	8.0	5.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
443	2223360568	Phạm Thành Nam	16/09/2004	0BK15A8.2	8.0	5.0	6.0		8.0		7.2	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
444	2223240193	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/04/1999	02BK15B8	7.5	7.5	7.5		8.0		7.8	Đạt
445	2223240251	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	21/04/2002	02BK15B8	7.0	7.5	7.3		7.5		7.4	Đạt
447	2223360526	Nguyễn Đức	Anh	29/06/1996	02BK15A8	7.5	8.5	8.2		7.0		7.5	Đạt
448	3223240029	Trần Thị Hoài	Châm	13/06/1994	02BK15B8	8.5	8.5	8.5		9.0		8.8	Đạt
449	2223360509	Trần Anh	Dũng	17/11/2003	02BK15B8	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
450	2223240186	Lê Hồ Thanh	Đông	24/03/1997	02BK15B8	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
452	2223360493	Võ Tấn	Được	19/08/2002	02BK15A8	8.0	9.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
454	2223180087	Dương Ngọc	Hân	24/10/1987	02BK15B8	6.5	7.5	7.2		7.0		7.1	Đạt
457	2223240228	Vũ Hoàng Minh	Huy	10/10/2004	02BK15B8	9.0	7.5	8.0		7.0		7.4	Đạt
458	2223240243	Đặng Quang	Huy	17/01/2003	02BK15A8	7.0	7.5	7.3		7.5		7.4	Đạt
459	2223240258	Phạm Thị Ngọc	Huyền	22/03/2001	02BK15B8	7.5	9.0	8.5		10.0		9.4	Đạt
460	3223240031	Nguyễn Thị Thu	Hương	13/01/1994	02BK15B8	6.5	7.5	7.2		7.0		7.1	Đạt
461	2223240224	Bùi Thị Mạnh	Khương	05/02/1996	02BK15B8	8.5	8.5	8.5		8.5		8.5	Đạt
462	2223360508	Trần Phước	Lành	17/06/1991	02BK15B8	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
463	2223360570	Nguyễn Hoàng	Lâm	15/11/1996	02BK15B8	6.5	7.5	7.2		7.0		7.1	Đạt
465	3223240030	Nguyễn Thùy	Linh	25/12/1996	02BK15B8	7.0	9.0	8.3		8.5		8.4	Đạt
466	2223360544	Hồ Hồng	Lụa	01/07/1998	02BK15B8	7.5	8.0	7.8		8.0		7.9	Đạt
469	2223240199	Lê Thùy Hà	Ni	22/03/1989	02BK15B8	7.0	7.5	7.3		7.0		7.1	Đạt
470	2223240197	Lê Thị Tuyết	Ny	31/07/2004	02BK15B8	7.0	7.5	7.3		7.0		7.1	Đạt
471	2223240261	Trần Thị	Nga	28/08/1982	02BK15B8	7.5	7.5	7.5		7.5		7.5	Đạt
472	2223360566	Dương Thúy	Nga	8/31/1994	02BK15A8	7.0	7.5	7.3		7.5		7.4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
473	3223240032	Nguyễn Thị Hồng	Nga	15/08/2001	02BK15B8	7.0	7.5	7.3		8.5		8.0	Đạt
474	2223360517	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	21/11/1994	02BK15B8	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
476	2223360486	Hồ Văn	Ngọc	10/03/2003	02BK15B8	7.5	7.5	7.5		7.0		7.2	Đạt
477	2223240234	Ngô Xuân Mỹ	Ngọc	20/05/1992	02BK15B8	7.5	8.0	7.8		8.0		7.9	Đạt
478	3223180018	Bùi Thị Minh	Ngọc	09/02/1982	02BK15B8	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
479	2223360484	Nguyễn Văn	Nhân	15/06/1995	02BK15B8	6.5	7.5	7.2		7.5		7.4	Đạt
480	2223240206	Trịnh Thị Yến	Như	04/10/2003	02BK15B8	7.0	8.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
481	2223240250	Nguyễn Ông	Phát	27/02/1994	02BK15B8	7.5	8.0	7.8		8.0		7.9	Đạt
482	2223360545	Lê Văn	Phú	08/11/2004	02BK15A8	6.5	6.5	6.5		7.0		6.8	Đạt
483	2223240227	Nguyễn Hoàng	Phúc	01/01/2004	02BK15B8	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
484	2223240241	Ngô Thị	Sinh	17/04/1996	02BK15B8	7.5	8.0	7.8		8.5		8.2	Đạt
485	2223240213	Phạm Lê Nhật	Tân	09/01/2002	02BK15B8	7.5	7.5	7.5		7.5		7.5	Đạt
486	2223240238	Trần Thị Mỹ	Tiên	20/02/1998	02BK15B8	8.0	10.0	9.3		10.0		9.7	Đạt
487	2223360505	Võ Trung	Toán	06/12/1997	02BK15A8	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
489	2223240209	Lê Thị Kim	Thị	24/08/1996	02BK15A8	7.5	7.5	7.5		7.0		7.2	Đạt
490	2223180077	Trần Trung	Thiện	29/06/1989	02BK15B8	6.5	7.5	7.2		7.5		7.4	Đạt
491	2223360488	Lê Phước	Thiện	21/01/2003	02BK15B8	8.5	8.5	8.5		8.5		8.5	Đạt
492	2223180081	Nguyễn Quang	Thịnh	05/12/1985	02BK15B8	7.5	9.0	8.5		10.0		9.4	Đạt
493	2223360527	Nguyễn Thị	Thu	02/02/1986	02BK15B8	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
494	2223360546	Lý Bảo	Thuận	31/01/1989	02BK15B8	7.0	7.5	7.3		7.5		7.4	Đạt
495	2223360554	Lê Quỳnh	Trang	04/11/2007	02BK15A8	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
496	3223240028	Đặng Thị Ngọc Trâm	24/02/1998	02BK15B8	8.0	9.0	8.7		9.5		9.2	Đạt
497	2223240256	Đoàn Huy Triều	27/08/2002	02BK15B8	8.0	9.5	9.0		8.5		8.7	Đạt
498	2223240260	Bùi Tấn Trung	22/08/2004	02BK15B8	7.0	7.5	7.3		8.0		7.7	Đạt
499	2223240205	Đoàn Phương Uyên	05/01/2004	02BK15B8	7.0		2.3	TBKT	0.0		0.9	Học lại
500	2223240192	Nguyễn Thị Mộng Ước	09/07/2004	02BK15B8	6.5	7.0	6.8		7.5		7.2	Đạt
502	2223240249	Nguyễn Hoàng Ý	05/08/1997	02BK15B8	6.5	7.5	7.2		7.0		7.1	Đạt
504	2223240146	Bùi Hoài An	25/01/2004	02BK15A8.1	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
506	2223360523	Phạm Thị Thiên An	03/06/2007	02BK15A8.1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
510	2223360410	Phạm Bùi Duy Anh	26/09/2007	02BK15A8.1	6.0	7.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
518	2223240168	Võ Hoài Ân	19/07/2004	02BK15A8.1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
520	2223360500	Nguyễn Hoàng Quốc Bảo	10/09/2007	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
522	2223360558	Nguyễn Duy Bảo	13/11/2006	02BK15A8.1	9.0	7.0	7.7		9.0		8.5	Đạt
524	2223360547	Bùi Thanh Bình	01/06/2007	02BK15A8.1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
528	2223240201	Hà Thị Mỹ Chinh	03/01/2004	02BK15A8.1	8.0	9.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
530	2223360540	Huỳnh Thị Phương Dung	28/05/2002	02BK15A8.1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
532	2223360519	Nguyễn Quang Duy	10/09/2006	02BK15A8.1	8.0	9.0	8.7		5.0		6.5	Đạt
534	2223240223	Hồ Đức Duy	06/12/2004	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		9.0		8.3	Đạt
536	2223240257	Nguyễn Lê Kỳ Duyên	20/05/1994	02BK15A8.1	9.0	8.0	8.3		9.0		8.7	Đạt
538	2223360109	Nguyễn Hồ Linh Đan	12/03/2007	02BK15A8.1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
540	2223240204	Lâm Sơn Đạt	03/09/2003	02BK15A8.1	9.0	7.0	7.7		10.0		9.1	Đạt
542	2223240225	Nguyễn Quốc Đạt	19/11/2004	02BK15A8.1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
544	2223360543	Nguyễn Phước Đạt	20/05/2007	02BK15A8.1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
546	2223360516	Huỳnh Hải Đăng	22/12/2006	02BK15A8.1	9.0	6.0	7.0		10.0		8.8	Đạt
548	2223240191	Lại Gia Định	09/08/2004	02BK15A8.1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
552	2223360126	Trần Hương Giang	12/03/2007	02BK15A8.1	9.0	10.0	9.7		7.0		8.1	Đạt
554	2223240242	Trần Xuân Hàn	24/12/2003	02BK15A8.1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
562	2223240196	Trần Thanh Hậu	22/11/2003	02BK15A8.1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
566	2223360541	Nguyễn Duy Hiên	03/02/1999	02BK15A8.1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
570	2223240245	Lê Văn Hoàn	27/07/1998	02BK15A8.1	9.0	9.0	9.0		10.0		9.6	Đạt
574	2223360479	Nguyễn Đăng Bảo Huy	21/05/2007	02BK15A8.1	5.0	7.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
576	2223240203	Lê Đức Huy	22/02/2004	02BK15A8.1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
586	2223360498	Nguyễn Trọng Khang	14/12/2007	02BK15A8.1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
590	2223240202	Nguyễn Đăng Khoa	14/08/2004	02BK15A8.1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
592	2223360504	Nguyễn Minh Khôi	24/06/2006	02BK15A8.1	5.0	7.0	6.3		6.0		6.1	Đạt
596	2223240215	Dương Ngọc Khương	05/06/2004	02BK15A8.1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
598	2223360495	Đỗ Khánh Linh	09/08/2006	02BK15A8.1	9.0	8.0	8.3		9.0		8.7	Đạt
600	2223360503	Mai Bảo Ngọc Linh	21/08/2004	02BK15A8.1	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
602	2223240226	Lê Thị Khánh Linh	08/10/2004	02BK15A8.1	5.0	7.0	6.3		7.0		6.7	Đạt
608	2223360506	Lý Hữu Lợi	02/07/2005	02BK15A8.1	8.0	9.0	8.7		7.0		7.7	Đạt
610	2223360532	Lý Hồng Lựa	05/06/2007	02BK15A8.1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
612	2223360556	Nguyễn Minh Mẫn	26/10/2004	02BK15A8.1	9.0	9.0	9.0		10.0		9.6	Đạt
614	2223360549	Lưu Lê Trà My	21/02/2007	02BK15A8.1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
616	2223240200	Dương Hồ Nhật	Nam	31/07/2004	02BK15A8.1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
618	2223360507	Phan Hồ	Nam	04/08/2006	02BK15A8.1	5.0	6.0	5.7		7.0		6.5	Đạt
620	2223360552	Phạm Thị Hoài	Nam	05/02/2005	02BK15A8.1	8.0	9.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
622	2223360553	Nguyễn Đức	Nam	29/06/2005	02BK15A8.1	8.0	6.0	6.7		8.0		7.5	Đạt
624	2223240208	Lê Hoàng Thanh	Ngân	11/11/2004	02BK15A8.1	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
628	2223360515	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Ngân	14/05/2006	02BK15A8.1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
630	2223360555	Phạm Thị Thu	Ngân	09/05/2000	02BK15A8.1	9.0	8.0	8.3		10.0		9.3	Đạt
632	2223360529	Phạm Trung	Nghĩa	26/09/2007	02BK15A8.1	9.0	9.0	9.0		10.0		9.6	Đạt
634	2223240248	Võ Kim	Ngọc	01/06/2004	02BK15A8.1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
636	2223240236	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	13/03/2003	02BK15A8.1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
638	2223360533	Lý Hồng	Nhung	04/10/2005	02BK15A8.1	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
640	2223360247	Võ Lê Thanh	Tùng	08/01/2007	02BK15A6	5.0	7.0	6.3		8.0		7.3	Đạt
642	2223360550	Đàng Thị Kim	Thế	03/09/2002	02BK15A8.1	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
644	2223240240	Đặng Thị Lệ	Thu	31/07/2001	02BK15A8.1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
646	2223360557	Nguyễn Thế	Vinh	26/01/2005	02BK15A8.1	8.0	9.0	8.7		10.0		9.5	Đạt
648	2223360562	Nguyễn Thảo	Vy	04/03/2007	02BK15A8.1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
650	2223360564	Huỳnh Tuấn	Lộc	20/12/2005	02BK15A8.1	6.0	6.0	6.0		8.0		7.2	Đạt
652	2223360563	Trịnh Kiều Tố	Uyên	21/02/2003	02BK15A8.1	7.0	10.0	9.0		6.0		7.2	Đạt